

Kiểu nhân vật mất mát qua cảm thức trôi trong tập truyện ngắn Trôi của Nguyễn Ngọc Tư

Ngô Văn Công¹, Trần Thảo Nguyên¹, Kim Trung Tín¹, Hoàng Thị Thùy Dương¹

TÓM TẮT

Bài báo nghiên cứu về kiểu nhân vật mất mát trong tập truyện ngắn Trôi, đây là sáng tác mới nhất của Nguyễn Ngọc Tư. Tác phẩm này tạo ra một cảm thức mơ hồ trong tình phản ánh hiện thực, được gọi là cảm thức “trôi”. Điều này chi phối đến thế giới nhân vật phong phú và phức tạp trong tập truyện ngắn Trôi. Kiểu nhân vật mất mát mang những nét đặc trưng, thể hiện rõ dụng ý của tác giả. Bài báo này cho thấy kiểu nhân vật mất mát qua các phương diện chính: con người trong các mối quan hệ trong gia đình, con người trong việc định hướng cuộc sống, con người trong sự biến đổi khí hậu và sống theo trào lưu.

Từ khóa: Cảm thức trôi, nhân vật mất mát, Nguyễn Ngọc Tư, truyện ngắn Trôi.

DOI: <https://doi.org/10.70117/hdujs.77.06.2025.782>

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Trong dòng chảy văn học Việt Nam đương đại, Nguyễn Ngọc Tư hiện diện như một hiện tượng văn chương đặc biệt với hành trình sáng tác trải dài hơn hai thập kỷ. Phong cách nghệ thuật của nhà văn được định hình bởi những đặc trưng riêng biệt với sự mộc mạc, trong sáng, thể hiện một tâm hồn nhạy cảm, tinh tế và giàu yêu thương. Với sự đa dạng về thể loại, từ truyện ngắn, tập văn đến tiểu thuyết, nhà văn đã kiến tạo nên một thế giới nghệ thuật đặc sắc, nơi hiện thực và tâm thức đan xen, hòa quyện. Điểm nổi bật trong sáng tác của Nguyễn Ngọc Tư là khả năng tái hiện sinh động bức tranh thiên nhiên và con người Nam Bộ, đặc biệt là sự phản ánh sâu sắc những biến động tâm lý - xã hội phức tạp của con người hiện đại.

Tập truyện ngắn *Trôi* được ra mắt vào tháng 11 năm 2023 do Nhà xuất bản Trẻ phát hành. Tác phẩm này là sự phá cách trong việc thể hiện chủ đề và hình thức nghệ thuật. Trước đó, Nguyễn Ngọc Tư đã khẳng định được vị trí độc đáo trong văn học Việt Nam đương đại thông qua việc xây dựng một thế giới nghệ thuật độc đáo. Các yếu tố như không gian châu thổ sông nước miền Tây, thân phận con người và nỗi buồn hiện sinh đã trở thành những đặc điểm định danh trong phong cách sáng tác của nhà văn. Tuy nhiên, việc gắn kết quá chặt chẽ với những yếu tố này có thể tạo ra một khuôn khổ giới hạn trong việc tiếp nhận tác phẩm, dẫn đến nguy cơ đơn giản hóa chiều sâu nghệ thuật của tác giả. Tác phẩm này được xem như một tuyên ngôn nghệ thuật, phản ánh tư duy mới trong sáng tác của Nguyễn Ngọc Tư. Tác phẩm thể hiện quan điểm về tính biến động không ngừng của vạn vật, từ những thay đổi về không gian địa lý đến những biến chuyển trong đời sống tâm lý con người. Qua đó, tác giả đã mở rộng quan niệm nghệ thuật về con người, vượt qua những khuôn mẫu vốn được gắn liền với tên tuổi của mình trước đây.

¹ Khoa Ngữ văn, Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh; Email: vancongwfhb@gmail.com

Khảo sát 13 truyện ngắn trong tập truyện ngắn *Trôi* của Nguyễn Ngọc Tư, chúng tôi nhận thấy rằng thành công nổi bật chính là việc tác giả xây dựng thế giới nhân vật vô cùng phong phú, đa dạng. Với tập truyện ngắn này, các nhân vật được khắc họa trong tình thế nghịch lí: tưởng chừng đang trôi nổi tự do nhưng thực chất đang bị mắc kẹt bởi những ràng buộc hữu hình lẫn vô hình của cuộc sống. Chính vì thế, kiểu nhân vật mất mát mang những nét đặc trưng độc đáo, góp phần thể hiện thành công dụng ý của nhà văn trong việc chuyển tải những vấn đề phức tạp, đa chiều trong xã hội đương đại.

Mất mát như một phạm trù hiện sinh trong văn học thể hiện sự đứt gãy giữa con người với những thứ họ từng có, như người thân, địa vị, niềm tin hay bản ngã. Theo *Từ điển tiếng Việt* (1998), Hoàng Phê định nghĩa “mất mát” là “mất đi (nói khái quát)” [1; tr.623]. Tuy nhiên, trong văn học, khái niệm này vượt xa sự tồn thất vật chất thuần túy, trở thành khoảng trống tinh thần sâu sắc, nơi con người phải đối diện với cảm giác bất lực trước thân phận. Học giả Jean-Paul Sartre trong tác phẩm *Thuyết hiện sinh là một thuyết nhân bản* (1946) đã lí giải rằng “mất mát chính là thời khắc con người đối diện với hư vô và buộc phải tái định nghĩa bản thân” [11; tr.42-43]. Tương tự, Albert Camus trong *Người xa lạ* (1942) cũng đề cập đến “sự mất mát như một trải nghiệm phi lí tính, khiến con người phải đối diện với sự vô nghĩa của hiện hữu” [5; tr.76-77]. Nguyễn Công Tỉnh trong luận văn *Tìm hiểu “Con người mất mát” trong tiểu thuyết Di sản của mất mát của Kiran Desai* (2015) mở rộng khái niệm này sang chiều kích xã hội khi cho rằng “Con người mất mát là những người chịu thiệt thòi, bị đối xử bất công, không địa vị, không quyền lợi trong xã hội được quy định bởi hệ thống đẳng cấp” [2; tr.15]. Từ những góc nhìn này, chúng tôi nhận định: kiểu nhân vật mất mát là nhân vật có cuộc đời gắn liền với những mất mát mang tính quyết định đến số phận và tính cách của họ. Đặc điểm nổi bật của nhân vật mất mát trong văn học là khủng hoảng bản sắc, thể hiện qua sự xáo trộn nội tâm sâu sắc. Nhà tâm lí học Elisabeth Kübler-Ross trong *On Death and Dying* (1969) đã mô tả quá trình đối mặt với mất mát qua năm giai đoạn: phủ nhận, giận dữ, thương lượng, trầm cảm và chấp nhận - một hành trình nội tâm đầy biến động mà nhiều nhân vật văn học trải qua [7; tr.51]. Văn học thường sử dụng mất mát như một chất xúc tác cho sự chuyển biến nhân cách. Qua biến cố đau thương, nhân vật được tái sinh với nhận thức mới về bản thân và thế giới. Trong *Twilight of the Idols* (1997), triết gia Friedrich Nietzsche đã nhấn mạnh: “Điều không giết chết ta sẽ làm ta mạnh mẽ hơn” [9; tr.33] - một quan điểm thường được phản ánh trong hành trình của các nhân vật văn học sau mất mát. Kiểu nhân vật này hiện diện trong văn chương thế giới với nhiều dấu ấn đặc biệt, chẳng hạn như Akakii Akakievich trong *Chiếc áo khoác* của Nikolai Gogol, Ivan trong *Cái chết của Ivan Illych* của Lev Tolstoy, Jay Gatsby trong *Đại gia Gatsby* của F. Scott Fitzgerald, Karuthana trong *Mùa tôm* của T. Xivaxankara Pillai,... Trong nền văn học đương đại Việt Nam, kiểu nhân vật mất mát hiện diện trong nhiều tác phẩm của nhà văn Nguyễn Bình Phương, Thuận, Hồ Anh Thái,... đặc biệt là trong sáng tác Nguyễn Ngọc Tư.

2. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

Chúng tôi sử dụng kết hợp nhiều phương pháp nghiên cứu khác nhau. Thứ nhất, với phương pháp loại hình, chúng tôi vận dụng những nguyên tắc theo loại hình thể loại truyện ngắn vào nghiên cứu tập truyện ngắn *Trôi*. Thứ hai, với phương pháp thống kê, nhóm nghiên cứu đã xây dựng một hệ thống các biểu hiện mang tính khái quát, phản ánh rõ nét

nhân vật mất mát trong toàn bộ tác phẩm qua việc khảo sát sâu rộng và thống kê tần suất xuất hiện của các yếu tố về ngôn ngữ. Thứ ba, với phương pháp phân tích - tổng hợp, chúng tôi khai thác các ngữ liệu trong sáng tác của Nguyễn Ngọc Tư để phân tích, từ đó tổng hợp thành các kết luận cho các lập luận của mình. Thứ tư, với phương pháp liên ngành, nhóm nghiên cứu vận dụng tri thức của nhiều ngành khoa học khác nhau như văn hóa học, lịch sử, địa lí học và tâm lí học để phân tích, đánh giá tác phẩm văn học nhằm rút ra hiện thực về con người, thiên nhiên và văn hóa.

3. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU VÀ THẢO LUẬN

3.1. Khái quát chung về cảm thức “trôi”

Về định nghĩa, “cảm thức” thường được nhìn nhận trong sự kết hợp giữa hai chữ: “cảm” và “thức”, hay nói cách khác là sự ghép nối giữa cảm xúc và nhận thức hoặc ý thức. Chu Bích Thu trong *Từ điển tiếng Việt* (2002) đã giới thuyết về cảm thức “là điều, sự hiểu được, nhận biết được bằng cảm quan, bằng cảm giác. Cảm thức là quá trình tìm hiểu, nhận biết sự vật, sự việc, hiện tượng bằng cảm tính” [4]. Hay theo Robert B. Laughlin (2012), cảm thức là “Nhận thức được cảm quan đem lại những gì có ý nghĩa cho chủ thể. Hơn thế nữa, cảm thức luôn là nơi chứa đựng điều gì đó mang tính tường minh của tổng thể, trong hệ thống tâm lí của mỗi cá nhân” [13; tr.82]. Từ đó, cảm thức được hiểu là hình thái ý thức đặc thù, trong đó chủ thể nhận thức tiếp nhận các bản chất của các hiện tượng thông qua sự tổng hợp biện chứng giữa yếu tố cảm xúc và lí trí. Do tính chất này, cảm thức mang tính chủ quan của chủ thể nhận thức lẫn tính khách quan của đối tượng được nhận thức. Trong văn học, cảm thức chi phối xuyên suốt tác phẩm, thậm chí có khi không chủ đích. Cảm thức xuất hiện trong việc chọn lựa thể loại, bối cảnh, sự kiện, hình tượng nhân vật, thế giới biểu tượng, tư tưởng, cảm hứng chủ đạo,... Vì thế, cảm thức hiện diện khi người viết vận dụng tất cả các giác quan, cảm xúc và lí tính trong việc nắm bắt những sự vật, sự việc trong hiện thực cuộc sống; từ đó người viết hình thành những nhận thức và đánh giá độc đáo về hiện thực, được thể hiện một cách trực tiếp thông qua phương diện nội dung và nghệ thuật. Trong *Từ điển tiếng Việt* (1998), Hoàng Phê định nghĩa “trôi” có ba cách hiểu như sau: (1) “Di chuyển tự nhiên theo dòng chảy”; (2) “Di chuyển tự nhiên theo một hướng nhất định”; (3) “(Thời gian) qua đi tự nhiên, ngoài sự để ý của con người” (Hoàng Phê, 2003, tr.1041). Từ “trôi” (drift) trong *Từ điển Cambridge dành cho người học nâng cao (quyển 4)* (2023) có nghĩa “di chuyển chậm, đặc biệt là do tác động của lực bên ngoài, không kiểm soát được hướng” [6; tr.432]. Có thể hiểu, trôi là di chuyển thụ động theo tác động của ngoại lực. Từ đó, “cảm thức trôi” được hiểu là một trạng thái nhận thức đặc biệt khi chủ thể cảm nhận về sự vật, hiện tượng trong trạng thái không cố định, đang vận động. Cảm thức này phản ánh cách tiếp nhận hiện thực thông qua góc nhìn về sự biến động, trôi chảy. Đồng thời, nó thể hiện cách tác giả vận dụng tổng hợp các giác quan, cảm xúc và lí trí để nắm bắt và phản ánh hiện thực một cách đa chiều và độc đáo.

Thông qua khảo sát tập truyện ngắn *Trôi* của Nguyễn Ngọc Tư, từ “trôi” xuất hiện 68 lần. Chúng tôi nhận thấy việc sử dụng nhiều từ “trôi” đã thể hiện thành công dụng ý của Nguyễn Ngọc Tư. Nhà văn đã tạo nên tính đa nghĩa qua từ “trôi”. Từ “trôi” mở rộng nghĩa hơn, với những nét nghĩa gắn với con người như cuộc di cư, hành trình; sự lạc lõng, cô đơn; mối quan hệ tan vỡ hay thậm chí là cái chết. Xét trong tập truyện ngắn *Trôi* của Nguyễn

Ngọc Tư, “cảm thức trôi” là việc con người ý thức được thân phận của mình với những chiều kích đa dạng: từ nỗi cô đơn, trôi nổi đến những xung đột giữa truyền thống và hiện đại, hành trình tìm kiếm ý nghĩa tồn tại và đối diện với những đứt gãy như li biệt hay cái chết. Mặc dù cảm thức này đã hiện diện trong các sáng tác trước đó của tác giả, nhưng đến tập truyện này, nó mới được định danh một cách có chủ đích. Đặc biệt, cảm thức trôi chi phối kiểu nhân vật mất mát và thể hiện được những dụng ý nghệ thuật trong tập truyện ngắn *Trôi* của Nguyễn Ngọc Tư.

3.2. Biểu hiện của nhân vật mất mát qua cảm thức “trôi” trong tập truyện ngắn *Trôi* của Nguyễn Ngọc Tư

3.2.1. Con người mất mát trong mối quan hệ gia đình

Những biến đổi trong cấu trúc gia đình, đặc biệt là sự xuất hiện ngày càng nhiều của mô hình gia đình khuyết thiếu, đang trở thành một vấn nạn của xã hội Việt Nam. Mô hình này chứa đựng những gia đình li hôn, tan vỡ; gia đình đa huyết thống (bố dượng, mẹ kế, con riêng, con chung...); gia đình có cha, mẹ hoặc con chết; gia đình di cư (cha hoặc mẹ không sống cùng với con cái) hoặc thất lạc... Gia đình của nhân vật “anh” trong *Mơ người* chỉ có anh, dượng Lê và Tường (con riêng của dượng Lê). Anh “không biết cha ruột là ai” [3; tr.13], mẹ anh sau khi lấy dượng Lê (khi anh 11 tuổi) lại tiếp tục bỏ nhà đi theo người đàn ông khác. Gia đình “anh” trong *Giữa đây và kia* có hoàn cảnh éo le: con gái bỏ theo người yêu, anh và vợ anh lần lượt tự tử. Nhân vật “chị” trong *Đong đưa trong kén* mất đi người cha vì tuổi già. Người vợ của nhân vật “anh” trong *Trôi* thì “trôi cùng với ông chủ vừa trái cây bên Láng Sen, cả hai quán chung trong một tấm vải trải giường” [3; tr.63]. Người mẹ “vấn số” của gia đình nhân vật “tôi” và “cha tôi thì qua lại với người đàn bà khác ngay khi mãn tang” [3; tr.138] trong *Mưa diệp lục*... Sự khuyết thiếu trong gia đình được thể hiện không chỉ ở mặt cấu trúc mà còn ở sự thiếu hụt về mặt tình cảm và sự kết nối. Hiện thực này tạo nên một không gian trống trải, mất mát khiến các nhân vật luôn trong trạng thái lạc lõng, thiếu định hướng.

Bao trùm đa phần tập truyện ngắn *Trôi* là bầu không khí gia đình lạnh nhạt và xa cách. Những người mẹ, người cha ở viện dưỡng lão trong *Đợi* mang một nỗi buồn u uẩn và “chờ đợi những bóng người lui tới thăm. Lưu lại viện dưỡng lão chừng nửa năm sẽ biết, không có gì ngoài đó” [3; tr.119]. Tuy sống trong tập thể nhưng mỗi người lại mang một sự cô độc và lạc loài. Bởi lẽ, họ bị chính những đứa con của mình “đẩy vào viện dưỡng lão” [3; tr.119]. Những nỗi khổ đau, tan vỡ trong gia đình còn bắt nguồn từ tình yêu ngoài hôn nhân. Điều này gắn liền với mẹ Tường trong *Mơ người*, bà đã đi cùng người đàn ông khác và biến mất, “Bà đã vấp chân ở bậc lên. Một người đàn ông như phụ lái đã nắm tay bà, đỡ lấy cái giỏ quần áo” [3; tr.13]. Đứa con gái của nhân vật “tôi” trong *Giữa vật chất này* đi theo người tình của mình mà bỏ nhà ra đi “khi thả chùm chìa khóa nhà lại cái đĩa gỗ đựng đồ linh tinh, rồi kéo cái va li ra cửa” [3; tr.26]. Nhân vật “mình” và “em mình” trong *Trôi* không hòa hợp, thậm chí khắc khẩu. Những tiếng chửi rủa của người em dành cho anh trai của mình, chẳng hạn như “Đi với đồ đàn độn như ông, chết còn sướng hơn”, “đúng ngu”, “đồ ngu”, “Ngu gì mà không chữa ai ngu” [3; tr.66, 67]... Nguyễn Ngọc Tư phơi bày những góc khuất, những nỗi đau khổ ẩn chứa bên trong những gia đình thiếu tính tương tác và đồng cảm, qua đó phản ánh những áp lực, mâu thuẫn trong xã hội Việt Nam đương đại.

Trong *Thuyết nhu cầu thuộc về* (1995), Roy Baumeister và Mark Leary đã trình bày như sau: “Cảm giác thuộc về là một động lực cơ bản của con người để hình thành và duy trì các mối quan hệ tích cực, bền vững với người khác, cũng như cảm thấy kết nối với các nhóm xã hội, tổ chức hoặc môi trường. Thiếu cảm giác thuộc về xảy ra khi các cá nhân cảm thấy bị loại trừ, từ chối hoặc không thể hòa nhập vào bối cảnh xã hội mong muốn, dẫn đến căng thẳng tâm lý và suy giảm sức khỏe tâm thần” [14]. Nói cách khác, thiếu cảm giác thuộc về là một trạng thái khi một người cảm thấy mình không thực sự thuộc về một nơi chốn hay cộng đồng. Nguyễn Ngọc Tư đã phản ánh một thực trạng của xã hội hiện đại, ở đó con người không còn cảm giác thuộc về chính ngôi nhà và gia đình của mình. Nhân vật “tôi” trong *Mơ người* mộng lung và lạc lối mỗi khi trở về nhà. Ngôi nhà luôn chứa đựng những chấn thương tinh thần “Người nhà anh cứ rơi ra ngoài những công thức” [3; tr.12]. Tuy nhiên, trong lòng anh, nơi đây vẫn là “nơi mình thuộc về, không thể khác” [3; tr.19]. Khi lên chuyến xe trở lại thành phố, anh đã quyết định quay trở lại nhà mình như một cách tìm về nguồn cội quê hương, gia đình. Đây là một hành động táo bạo, chính anh cũng không đủ dũng khí mà phải củng cố tinh thần bằng chùm chìa khóa, gói “Cầu mề hồn hương” và những suy nghĩ về giấc mơ của chị Ái. Người vợ trong *Giữa vật chất này* chối bỏ ngôi nhà - nơi mà “gã chồng thất bại, thảm hại đến không thể làm tình, những đứa con như đậu trong vỏ, bà chị chồng xoi mói, căn trọ thuê chật hẹp thay cho ngôi nhà cũ bị gán nợ, những bữa ăn chỉ tiếng muống cày vào vách tô com” [3; tr.35]. Đặc biệt, trong bối cảnh xã hội hiện đại với những biến động kinh tế và xã hội, ngôi nhà không còn là biểu tượng của sự an toàn và bình yên. Nó trở thành một không gian của những mối quan hệ lỏng lẻo, của nợ nần, của sự thất bại và tan vỡ. Mỗi góc nhà, mỗi vật dụng đều mang theo những ký ức đau thương, những uất nghẹn không thể nói thành lời.

3.2.2. Con người mất mát trong việc định hướng cuộc đời

Ấm ảnh cuộc đời của các nhân vật trong tập truyện ngắn *Trôi* là cái chết. Chúng tôi xét cái chết có nghĩa là sự chấm dứt vĩnh viễn các chức năng sống của con người (về mặt sinh học). Trong tập truyện ngắn *Trôi*, cái chết xuất hiện 9/13 truyện ngắn, cụ thể là 15 cái chết.

Những cái chết được xử lý như một yếu tố nền, được nhắc đến một cách ngắn gọn, thoáng qua và không được khai thác sâu mà chỉ nhằm định hướng cho sự phát triển của câu chuyện. Đó là cái chết của má anh trong *Trôi*; song thân của ông Ngò trong *Giữa vật chất này*; ba chị trong *Đong đưa trong kén*; bà sơ, ông cố, thằng con đầu của cậu Rịu và cậu thủy thủ trong *Nợ*; bà nội người ứng cử viên trong *Về phía không đâu*. Nguyên nhân chính dẫn đến những cái chết là do bệnh tật và tuổi già. Những cái chết này không được miêu tả chi tiết nhưng lại mang ý nghĩa định hình không gian tâm lý của nhân vật chính. Đáng chú ý, những cái chết mang tính khắc sâu, nơi mà cái chết trở thành tâm điểm suy ngẫm. Cái chết của dưỡng Lê trong *Mơ người*, Lý và Chân Ruồi trong *Đợi*, má tôi trong *Mưa diệp lục* là những cái chết như thế. Dưỡng Lê chết thì nhân vật “anh” mới ngộ ra tình cảm của Tường: “Chắc Tường đã ngắm anh ngủ không ít lần. Chính nó nài má mua cho anh cái gối ôm lớn hơn, đổi anh cái mền dày hơn. Mình đã từng làm gì cho đứa em này?” [3; tr.16], của dưỡng Lê dành cho mình và nhà chính là đích đến cuối cùng của cuộc đời mình, “Đờ bộ đồ được xếp ngay ngắn, vài xô lạnh rợn lòng tay, anh mới có cảm giác mình thuộc về gia đình này, và sáng mai thôi anh sẽ phải đứng ra nói lời cảm tạ” [3; tr.6]. Nhân

vật “tôi” ngộ ra qui luật của cái chết - con người đến cuối cùng cũng phải chết: “Mỗi khi nhìn nó, mình nghĩ về những thứ rời đi mà chẳng cần đụng tay bút bẻ. Đi như là lá rơi. Đi như là mưa rơi” [3; tr.113], qua cái chết của Lý và Chân Rươi. Hay cái chết của má đã thôi thúc nhân vật “tôi” đi tìm câu trả lời cho nghịch lí giữa ông ngoại trong lời kể của má và trong thực tế vì “Ngay từ khi ông xuất hiện tôi và cha đã thấy kì lạ, ông ngoại hoàn toàn không giống những gì má tôi mô tả” [3; tr.131]. Cái chết không còn là điều đáng sợ hay bi thảm, chính nó tạo nên qui luật của cuộc sống, một điều tất yếu của cuộc đời con người. Nó là lời nhắc nhở về tính mỏng manh, về sự khắc khoải và cả sự chấp nhận tất yếu. Nó trở nên dai dẳng và ám ảnh trong tâm thức của các nhân vật. Có thể nói, qua lăng kính của những cái chết này, nhà văn gọi ra cho độc giả suy ngẫm: Cuộc đời là một dòng chảy, và con người ta, dù có muốn hay không, cuối cùng rồi cũng sẽ trôi theo dòng chảy ấy.

Mary Andrews (2016) cho rằng: “Khủng hoảng hiện sinh là khoảng thời gian gây hoang mang và lo âu cao độ khi một người đang cố gắng giải quyết và tìm câu trả lời cho câu hỏi: Tôi là ai?” [12]. Hay Fredric Jameson, Michael Hardt và Kathi Weeks (2000) nhận định: “Khủng hoảng hiện sinh là hệ quả của những vấn đề xã hội lớn hơn mà các cá nhân đã nội tâm hóa” [8]. Trong quá trình này, con người đặt ra những câu hỏi mang tính hiện sinh về ý nghĩa cuộc sống, mục đích tồn tại, giá trị cá nhân trong một thế giới rộng lớn và phức tạp. Và trong tập truyện ngắn *Trôi*, các nhân vật đi tìm câu trả lời cho những câu hỏi và bị mắc kẹt. Nhân vật Tường loay hoay và khát khao thấu hiểu được giấc mơ của người khác: “Ngắm thật lâu những người ngủ sâu, ta có thể nhìn thấy giấc mơ của họ” [3; tr.18]. Tường bị coi là “kẻ bệnh hoạn”, “rình rập giấc ngủ của người trong nhà không đã, giờ nó đi rình thiên hạ” [3; tr.11], vì vậy Tường bị kiện, phải đi hầu tòa hai lần và “chịu án chất chồng chỉ vì lê la coi thiên hạ ngủ” [3; tr.15, 16]. Một người đàn ông “lập dị, rúc trong vườn, nhà” trong *Giữa vật chất* này luôn mang quan niệm: “Nhà chứ có phải nòi lâu đâu?” [3; tr.91]. Vậy mà ông lại mang khát vọng muốn đặt chân đến vùng đất mới “Bình Lam gì đó, nó ở đâu ta?”, “Lục Mộc nữa. Nó sao?” [3; tr.93] nhưng mảnh đất quê nhà và người vợ đã giữ chân ông. Những thế hệ từ bà sơ, ông cố, ông ngoại, mẹ đến “tôi” đi đòi nợ vào “tháng Sáu xứ cát”. Chỉ có bà sơ biết được đó là món nợ như thế nào, “Nợ máu hay vàng, nợ tình hay nợ sữa, mọi thứ nợ lớn mà mọi người có thể nghĩ ra đều không xứng với sự quyết liệt của bà” [3; tr.102, 103]. Những thế hệ của bên chủ nợ và bên thiếu nợ cứ thế gặp gỡ và mắc kẹt trong vô vọng. Tập truyện ngắn *Trôi* không chỉ là chuyện của những cá nhân đơn lẻ mà còn là chuyện của sự tồn tại, mối liên hệ giữa cá nhân với cộng đồng, xã hội.

3.2.3. Con người mất mát trong sự biến đổi khí hậu và sống theo trào lưu

Những biến đổi về tự nhiên và xã hội đang tác động lớn đến con người. IPCC (2007) định nghĩa biến đổi khí hậu là “Bất kì sự thay đổi về khí hậu theo thời gian, dù là do biến động tự nhiên hay do hoạt động của con người gây ra, thể hiện qua sự thay đổi giá trị trung bình và giá trị cực trị (lớn nhất và nhỏ nhất) của các thông số thời tiết. Hệ quả của biến đổi khí hậu làm gia tăng mực nước biển do khối băng trên Trái Đất bị tan dần ra và khối nước ở biển và đại dương dâng nở vì nhiệt” [10; tr.942]. Sự biến đổi khí hậu có thể xuất phát từ quá trình tự nhiên bên trong hệ thống khí hậu, những tác động bên ngoài, hay tác động

thường xuyên của con người làm thay đổi thành phần cấu tạo của khí quyển hoặc sử dụng đất. Quá trình công nghiệp hóa, đô thị hóa nhanh chóng, cùng với việc sử dụng nhiên liệu hóa thạch và phá rừng đã dẫn đến hiệu ứng nhà kính. Các tác động của biến đổi khí hậu diễn ra phức tạp và khó lường với các thiên tai cực đoan diễn ra thường xuyên và cường độ mạnh hơn. Ngoài ra, hiện tượng sống theo trào lưu đang trở thành vấn đề xã hội đáng quan tâm trong thời đại toàn cầu hóa. Xu hướng này được thể hiện thông qua việc cá nhân có khuynh hướng điều chỉnh hành vi, quan điểm và lối sống để phù hợp với một trào lưu cụ thể nào đó. Một số trào lưu liên quan đến lối sống phổ biến trên thế giới, chẳng hạn như trào lưu sống “không cảm xúc”, trào lưu “sống lười”, trào lưu “YOLO”, trào lưu “tiết kiệm ồn ào”, trào lưu “sống tối giản”, trào lưu “sống xanh”... Khi chấp nhận và duy trì lối sống theo trào lưu, con người phải đánh đổi và đối mặt với nhiều hệ lụy về vật chất và tinh thần.

Qua những trang viết trong tập truyện ngắn *Trôi*, Nguyễn Ngọc Tư đã miêu tả chân thực hiện trạng biến đổi khí hậu với những thiên tai như nước dâng, sạt lở đất. Đó là những trang viết luôn đau đáu về thân phận con người. Cuộc sống của các nhân vật không còn gắn liền với những chiếc ghe, xuồng lênh đênh trên sông, thay vào đó mỗi gia đình sở hữu ngôi nhà ở mảnh đất của mình. Tuy nhiên, không gian sống chịu sự chi phối của những yếu tố tự nhiên như thủy triều, mùa nước, đất đai... vẫn thường trực như một điều tất yếu của điều kiện tự nhiên nơi miền Tây sông nước. Trong truyện ngắn *Trôi*, cảnh sạt lở đất diễn ra mạnh bạo và khủng khiếp “tường mé ngoài cù lao lún hồi trôi trước, trong ruột chắc còn lâu, đừng cái cả xứ nứt làm bảy mảnh, ruột hóa ra bìa” [3; tr.58]. Cả một vùng cù lao tiêu điều trong mùa nước nổi “ngó đâu cũng chỉ nước và bọt nước và nhưng vật chất nổi nênh” [3; tr.67], “vài ba mái nhà lúp ló trên mặt nước, một vài cái lu, những rêu đất đủ rộng cho một người ngồi thì cũng có, lại trôi dờ đẩn đằng xa” [3; tr.68]. Những kiếp người trôi dạt bất lực như Tư Điền, Chương móm, ông già Ba Hào, cậu Chín Cung, thằng nhỏ Mười Hai,... Con nước đã cuốn trôi nhiều món đồ kỉ niệm, kế sinh nhai của con người đáng thương ấy, nào là “cái máy may của vợ, một rổ chỉ đủ màu, mấy bộ đồ chưa kịp giao cho khách”, “bộ bàn đá có mặt kẻ ô cờ, mấy bó cỏ cho dê ăn và một cặp ngỗng già”, nào là “mớ tủ bàn chạm trổ”, “cái cối xay gạo” [3; tr.58-59]... Con nước cuốn trôi những mảnh đứt gãy của rêu đất, những món đồ có khi là cả gia tài của một gia đình cứ trôi, trôi mãi đến mức “giờ mạnh ai nấy trôi, chuyện thành ra thường quá rồi” [3; tr.60]. Thân phận của họ bị định đoạt bởi những rêu đất, những mùa nước nổi. Người thì vùng vẫy giành giật sự sống, cật lực lấy lại những thứ bị cuốn trôi, cũng có người đành buông xuôi bất lực, “khóc nấc từng hồi” rồi cũng trôi đi tứ xứ, lưu vong.

Việt Nam thuộc loại hình văn hóa nông nghiệp với khí hậu nóng ẩm, mưa nhiều nên hình thành lối sống định cư, thích hợp cho việc trồng trọt. Sau đại dịch covid-19, tâm lí coi trọng giá trị tinh thần, ưu tiên trải nghiệm cá nhân và sự tự do càng thúc đẩy cách sống này phát triển, một bộ phận người trẻ Việt Nam, tập hợp những người trẻ quan tâm đến trải nghiệm đa dạng, đang hình thành lối sống đề cao sự khám phá và xê dịch. giữa các địa điểm sinh sống và làm việc. Đó là việc con người bước vào những cuộc hành trình đi đây đó thay vì chôn chân một chỗ. Không gian sống là nơi trú ngụ tạm bợ và thiếu ổn định trong chiếc

Mobihome - “ngôi nhà di động” của kẻ lang bạt trong truyện ngắn *Khởi đầu của gió*. Thậm chí, họ có khi là những kẻ không nhà, không đất đai thuộc bộ tộc Li với hành trình “du mục” qua những vùng đất Nin Dương, bình nguyên sông Du trù mật hay Bù Lao trong *Về phía không đâu*. Sự thiếu vắng một “điểm tựa” không gian khiến cuộc sống của họ luôn trong trạng thái lênh đênh, trôi dạt như chính thân phận của họ. Những con người ra đi, không phải vì họ muốn tìm kiếm một nơi chốn mới, một cuộc sống mới. Họ ra đi để bước vào cuộc vong thân, trở về với bản lai diện mục, với cội nguồn vĩnh hằng của sự sống. Những con người ấy, bị thời gian và định mệnh bào mòn, đã quên mất lí do tại sao họ ra đi. Họ chỉ biết rằng, họ cần phải ra đi, họ cần vứt bỏ mọi thứ, kể cả chính mình, để hòa vào dòng chảy vĩnh cửu của vũ trụ. Hành trình mộng lung ấy là một thử thách bởi “những cơn gió xám thổi từ phương Bắc mang dịch bệnh lẫn sang”, “có quá nhiều thời gian để nghĩ quân”, “đau nhức” [3; tr.149], “chán ớn cảnh làm tình dưới tấm mền” [3; tr.143]... Những thử thách này chính là những vật cản vô hình đang khiến con người vật lộn với suy nghĩ tiếp tục hay dừng lại. Đến cuối cùng, câu hỏi vang lên trong tâm trí họ là “giờ mình đi đâu?”, “chùng nào thì tới nơi?” [3; tr.142].

4. KẾT LUẬN

Nghiên cứu này cho thấy, thông qua lăng kính của cảm thức “trôi”, Nguyễn Ngọc Tư đã khám phá sâu sắc những mất mát của con người trong các mối quan hệ gia đình, sự bất định trong định hướng cuộc sống, những tác động của biến đổi khí hậu và sự ảnh hưởng của các trào lưu xã hội đến số phận con người. Sự hiện diện của cảm thức “trôi” và những mất mát trong tập truyện ngắn *Trôi* cũng mang dấu ấn hiện sinh trong văn học. Tác phẩm này phản ánh những trăn trở sâu xa về sự tồn tại của con người trong một thế giới đầy rẫy những mất mát và bất định. Có thể nói, kiểu nhân vật mất mát trong tác phẩm là một biểu hiện về trạng thái tâm lí của con người trong xã hội đương thời. Đồng thời, kiểu nhân vật mất mát định danh cho một kiểu nhân vật trong thế giới nhân vật qua những sáng tác của Nguyễn Ngọc Tư. Nhà văn đã phát hiện và khám phá những biến động trong mối quan hệ giữa tâm lí con người và xã hội Việt Nam với nhịp độ đô thị hóa ngày càng nhanh.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Hoàng Phê (1998), *Từ điển tiếng Việt*, Nxb. Đà Nẵng, Đà Nẵng.
- [2] Nguyễn Công Tỉnh (2015), *Tìm hiểu “Con người mất mát” trong tiểu thuyết Di sản của mất mát của Kiran Desai*, Luận văn Thạc sĩ Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh, Thành phố Hồ Chí Minh.
- [3] Nguyễn Ngọc Tư (2023), *Trôi*, Nxb. Trẻ, Thành phố Hồ Chí Minh.
- [4] Viện Ngôn ngữ học (2002), *Từ điển tiếng Việt*, Nxb. Phương Đông, Cà Mau.
- [5] Albert Camus (2017), *Người xa lạ*, (Thanh Thư dịch), Nxb. Hội Nhà văn, Hà Nội.
- [6] Colin Mcintosh (2013), *Cambridge Advanced Learner's Dictionary (Fourth Edition)*, Cambridge University Press, Cambridge.
- [7] Elisabeth Kübler-Ross (1997), *On Death and Dying*, Simon & Schuster Adult Publishing, New York.

- [8] Fredric Jameson, Michael Hardt, Kathi Weeks (2000), *The Jameson reader*, Blackwell Publishing.
- [9] Friedrich Nietzsche (1997), *Twilight of the Idols*, (translated by Richard Polt), Hackett Publishing, Cambridge.
- [10] IPCC (2007), *Climate Change 2007: Impacts, Adaptation and Vulnerability*, Cambridge University Press.
- [11] Jean Paul Sartre (2015), *Thuyết hiện sinh là một thuyết nhân bản*, (Đình Hồng Phúc dịch), Nxb. Tri thức, Hà Nội.
- [12] Mary Andrews (2016), *The existential crisis*, Behavioral Development Bulletin, 21(1) 104-109.
- [13] Robert B. Laughlin (2012), *Một vũ trụ lạ thường*, Nxb. Trẻ, TP. Hồ Chí Minh.
- [14] Roy Baumeister, Mark Leary (1995), *The need to belong: Desire for interpersonal attachments as a fundamental human motivation*, Psychological Bulletin, 117(3) 497-529.

THE TRAGIC CHARACTER THROUGH THE DRIFTING SENSE IN SHORT STORIES *DRIFT* BY NGUYEN NGOC TU

Ngo Van Cong, Tran Thao Nguyen, Kim Trung Tin, Hoang Thi Thuy Duong

ABSTRACT

The article studies the tragic character in the short stories Drift, the latest work by Nguyen Ngoc Tu. The work illustrates an ambiguous sense of reality reflection belonging to the deeper layer of human psychology, called the drifting sense. This dominates the world with different and complex characters in these short stories. The main character archetype in these short stories has many unique features and distinctively reflects the author's intention. Through the utilization of logical structural systems, statistical methods, analytical-synthetic, and interdisciplinary approaches, this article highlights the archetype of tragic character through multiple perspectives: family relationships, life orientation, climate change and trend-following behavior.

Keywords: Drifting sense, tragic character, Nguyen Ngoc Tu, short stories Drift.

* Ngày nộp bài: 06/01/2025; Ngày gửi phản biện: 11/01/2025; Ngày duyệt đăng: 15/06/2025